

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI KHÁT VỌNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI KHÁT VỌNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ASPIRATION INVESTMENT TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ASPIRATION.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108281980

3. Ngày thành lập: 21/05/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 87 phố Nguyễn Thái Học, Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động chiếu phim	5914
2.	Cổng thông tin - Trừ hoạt động báo chí	6312
3.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6329
4.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
5.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
6.	Trồng cây mía	0114
7.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
8.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
9.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
10.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
11.	Trồng cây lấy sợi	0116
12.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
13.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
14.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
15.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
16.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
17.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
18.	Sản xuất giày dép	1520
19.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
20.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621

21.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
22.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
23.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
24.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
25.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
26.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
27.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
28.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
29.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
30.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
31.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ súng đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao, bán lẻ tem và tiền kim khí)	4773
32.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
33.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet - Trừ đấu giá	4791
34.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
35.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
36.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
37.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
38.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
39.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
40.	Tái chế phế liệu	3830
41.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đấu giá)	4530
42.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
43.	Trồng cây ăn quả	0121
44.	Chăn nuôi khác	0149
45.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
46.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
47.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
48.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
49.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
50.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920

51.	Hoạt động bảo vệ cá nhân	8010
52.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
53.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
54.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
55.	Dịch vụ đóng gói	8292
56.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
57.	Bán buôn gạo	4631
58.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
59.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
60.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
61.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
62.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
63.	Trồng cây hàng năm khác	0119
64.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
65.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
66.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
68.	Trồng cây lâu năm khác	0129
69.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
70.	Bốc xếp hàng hóa	5224
71.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
72.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
73.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
74.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
75.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
76.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
77.	Hoạt động hậu kỳ	5912
78.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
79.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
80.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
81.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
82.	Đại lý du lịch	7911
83.	Điều hành tua du lịch	7912
84.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
85.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129

86.	Trồng lúa	0111
87.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
88.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
89.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
90.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
91.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
92.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
93.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
94.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
95.	Trồng cây chè	0127
96.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
97.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
98.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
99.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
100.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
101.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
102.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá	8610
103.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng	8692
104.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
105.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
106.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
107.	Thu gom rác thải độc hại	3812
108.	Hoạt động thể thao khác	9319
109.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
110.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
111.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
112.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
113.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
114.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
115.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
116.	Lập trình máy vi tính	6201
117.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
118.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
119.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan - Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê	6311
120.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

121.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
122.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4513
123.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
124.	Sản xuất sẫm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
125.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
126.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
127.	Đại lý, môi giới, đầu giá - Đại lý (Trừ đầu giá)	4610
128.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
129.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
130.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5913
131.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
132.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
133.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
134.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
135.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
136.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
137.	Hoạt động y tế dự phòng	8691
138.	Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung đối với người có công, thương bệnh binh, người già và người tàn tật	8810
139.	Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung khác	8890(Chính)
140.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
141.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
142.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
143.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
144.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
145.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
146.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
147.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
148.	Hoạt động của các tổ chức khác chưa được phân vào đâu	9499
149.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
150.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
151.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
152.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
153.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430

154.	Chăn nuôi lợn	0145
155.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
156.	Sản xuất đường	1072
157.	Sản xuất sợi	1311
158.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
159.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
160.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
161.	In ấn	1811
162.	Sao chép bản ghi các loại	1820
163.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
164.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
165.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
166.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
167.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ dịch vụ chuyển phát)	4799
168.	Vận tải bằng xe buýt	4920
169.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
170.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
171.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
172.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
173.	Trồng cây điều	0123
174.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)	5229
175.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
176.	Cơ sở lưu trú khác	5590
177.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
178.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
179.	Xuất bản phần mềm	5820
180.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
181.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
182.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820
183.	Trồng cây hồ tiêu	0124
184.	Trồng cây cao su	0125
185.	Trồng cây cà phê	0126
186.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
187.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
188.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

189.	Chăn nuôi gia cầm	0146
190.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn	7220
191.	Quảng cáo	7310
192.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
193.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
194.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
195.	Hoạt động thú y	7500
196.	Cho thuê xe có động cơ	7710
197.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
198.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
199.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
200.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
201.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm - Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
202.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại - Trừ hợp báo	8230
203.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
204.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
205.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
206.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
207.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
208.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu - Trừ đầu giá	8299
209.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
210.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
211.	Dịch vụ liên quan đến in - Trừ rập khuôn tem	1812
212.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	9101
213.	Hoạt động bảo tồn, bảo tàng	9102
214.	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên	9103
215.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4511
216.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ đầu giá)	4512
217.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512

218.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đầu giá)	4541
219.	Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác	9529
220.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
221.	Bán buôn thực phẩm	4632
222.	Bán buôn đồ uống	4633
223.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
224.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
225.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
226.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
227.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
228.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
229.	Bán buôn tổng hợp	4690
230.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
231.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
232.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

6. Vốn điều lệ: 200.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ THỊ DUNG	P38, Nhà 8, tập thể Đại học Kinh tế Quốc dân, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	18.000	180.000.000	90,000	012741917	
			Tổng số	18.000	180.000.000	90,000		

2	MAI VÂN ANH	7-A9 Thịnh Hào 3, Phường Hàng Bót, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000	10.000.000	5,000	030181001455	
			Tổng số	1.000	10.000.000	5,000		
3	ĐÀO LÊ MAI HƯƠNG	Tổ 5, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000	10.000.000	5,000	201736231	
			Tổng số	1.000	10.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ THỊ DUNG**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *30/07/1976*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *012741917*

Ngày cấp: *19/11/2013* Nơi cấp: *Công an thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *P38, Nhà 8, tập thể Đại học Kinh tế Quốc dân, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P1103, Nhà A1, khu đô thị Ecopark, Xã Xuân Quan, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội